

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 690/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2021

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Thạnh**;

2. Bà **Trần Thị Kim Anh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Nghĩa** – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1795/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Phước L, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 08-10, Đường X, Khu phố K, phường T, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Kiều O, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 657-659, đường T, Khu phố P, phường T A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 30/11/2020 và bản tự khai ngày 11/01/2021, nguyên đơn ông Trần Phước L trình bày: Ông và bà O tự quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 19/4/2014; vợ chồng chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà O không quan tâm chăm sóc chồng con, không đi làm phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông L đã nhiều lần khuyên nhủ

nhưng bà O vẫn không thay đổi nên hai bên sống ly thân với nhau từ giữa năm 2020, tình cảm không còn ông L yêu cầu được ly hôn với bà O.

Về con chung: Ông L khai quá trình chung sống, ông và bà O có 01 con chung tên Trần Phước T, sinh ngày 16/12/2014; ông L yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà O cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Kiều O không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của bà O.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Phước L có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Kiều O. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Phước L có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Kiều O đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà O.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước L và bà Trần Thị Kiều O chung sống với nhau, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 19/4/2014 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà O là hợp pháp;

Ông L khai quá trình chung sống đến năm 2016 thì bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bà O không quan tâm chăm sóc chồng con, không đi làm phụ giúp kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng bà O vẫn không thay đổi nên hai bên sống ly thân với nhau từ giữa năm 2020; tình cảm không còn nên ông yêu cầu được ly hôn.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của ông L và bà O đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận cho ông L được ly hôn với bà O, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông L khai quá trình chung sống, ông và bà O có 01 con chung tên Trần Phước T, sinh ngày 16/12/2014;

Xét, ông L có yêu cầu được nuôi con chung, cháu T hiện đang ở cùng với ông L do đó cần chấp nhận cho ông L được trực tiếp nuôi dạy con chung nhằm duy trì ổn định, tránh làm xáo trộn đời sống của con chung.

Về cấp dưỡng: Do ông L không yêu cầu bà O cấp dưỡng để nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

- Ông Trần Phước L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Phước L được ly hôn với bà Trần Thị Kiều O.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2014 ngày 19/4/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh A cấp không còn giá trị.

Về con chung: Ông L được nuôi con chung là Trần Phước T, sinh ngày 16/12/2014;

Bà O không phải cấp dưỡng để ông L nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng hoặc người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có.

2. Về án phí: Ông Trần Phước L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0062707 ngày 15/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Ông L đã nộp đủ án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái